

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÀO DUY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÀO DUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAO DUY CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108409905

3. Ngày thành lập: 20/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9, ngách 120, ngõ 245, đường Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983.500.621

Fax:

Email: thanhnguyen240988@yahoo.co Website: m.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
2.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
3.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
6.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8.	Bốc xếp hàng hóa	5224
9.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
12.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
13.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
14.	Xuất bản phần mềm	5820
15.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
16.	Cho thuê xe có động cơ	7710

17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
18.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
19.	Đại lý du lịch	7911
20.	Điều hành tua du lịch	7912
21.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
22.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
23.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
24.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
28.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
29.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
30.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
31.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Chăn nuôi khác	0149
35.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
36.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
37.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
39.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
40.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
41.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
42.	Khai thác gỗ	0221
43.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
44.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
45.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
46.	Khai thác thủy sản biển	0311
47.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
48.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
49.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
50.	Sản xuất giống thủy sản	0323
51.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

52.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
53.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
54.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
55.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
56.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
57.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
58.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
59.	Sản xuất đường	1072
60.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
61.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
62.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
63.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
64.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
65.	Sản xuất rượu vang	1102
66.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
67.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
68.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
69.	Sản xuất sợi	1311
70.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
71.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
72.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
73.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
74.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
75.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
76.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
77.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
78.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
79.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
80.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
81.	Sản xuất giày dép	1520
82.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
83.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
84.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
85.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
86.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
87.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
88.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
89.	In ấn	1811

90.	Xây dựng nhà các loại	4100
91.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
92.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
93.	Bán buôn gạo	4631
94.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410(Chính)
95.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Đại lý đấu thầu, tư vấn đấu thầu Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	7110
96.	Bán buôn thực phẩm	4632
97.	Bán buôn đồ uống	4633
98.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
99.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
100.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
101.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
102.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
103.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
104.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
105.	Xây dựng công trình công ích	4220
106.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
107.	Phá dỡ	4311
108.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
109.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
110.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
111.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
112.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
113.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
114.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511

115.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
116.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
117.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốc, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	4543
118.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
119.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
120.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
121.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
122.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
123.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
124.	Quảng cáo	7310
125.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
127.	Sản xuất than cốc	1910

128.	Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế	1920
129.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
130.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
131.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
132.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
133.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
134.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
135.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
136.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
137.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
138.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
139.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
140.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
141.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
142.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
143.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
144.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
145.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
146.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
147.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
148.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
149.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
150.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
151.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
152.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
153.	Sao chép bản ghi các loại	1820
154.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
155.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
156.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
157.	Thu gom rác thải độc hại	3812
158.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
159.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
160.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
161.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513

162.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
163.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 24/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 168283807

Ngày cấp: 03/07/2012

Nơi cấp: Công an Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Yên, Xã Chân Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9, ngách 120, ngõ 245, đường Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 168283807

Ngày cấp: 03/07/2012

Nơi cấp: Công an Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Yên, Xã Chân Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9, ngách 120, ngõ 245, đường Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội